

Đặc điểm sản xuất thị trường của hộ nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long

• **Ngô Thị Phương Lan**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Nghiên cứu các hộ nông dân sản xuất lúa gạo ở huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cho thấy sản xuất lúa gạo của các hộ gia đình tại đây thể hiện rõ tư duy định hướng thị trường qua các đặc điểm: mở rộng sản xuất, vay vốn để đầu tư cho sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật - cơ giới hóa và tham gia hay không tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất.

Ảnh hưởng đặc điểm sản xuất định hướng thị trường là các lựa chọn của người dân dựa trên sự tính toán về lợi ích của hộ gia đình. Do vậy,

trong bối cảnh sản xuất lúa gạo hiện nay, khi mà hành vi kinh tế của hộ nông dân là kết quả của sự tương tác giữa tính toán duy lý của hộ gia đình và cấu trúc thị trường, trong đó lợi ích của hộ gia đình mâu thuẫn với lợi ích của các mô hình và thiết kế hợp tác hướng đến sự phát triển của ngành lúa gạo, thì tư duy duy lý cấp độ hộ gia đình có thể xem là một lực cản cho quá trình hình thành một nền sản xuất lúa gạo lớn và hiện đại.

Từ khóa: sản xuất lúa gạo, hộ gia đình, duy lý, chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một nước nông nghiệp, với cây trồng chủ đạo là lúa nước. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của ngành sản xuất này đối với nền kinh tế của Việt Nam và một bộ phận lớn nông dân. Trong lịch sử phát triển của thị trường lúa gạo ở phía Nam, đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đóng vai trò rất quan trọng. Trước đây, lúa gạo miền Nam đã xuất khẩu ra các nước trên thế giới. Do điều kiện lịch sử, sau năm 1975 hoạt động xuất khẩu này bị gián đoạn một thời gian. Năm 1989 đánh dấu sự trở lại của hạt gạo Việt Nam trên thị trường thế giới. Từ một nước thiếu ăn, phải nhận cứu trợ lương thực đến năm 2003, Việt Nam trở thành nước lớn thứ hai trên thế giới về xuất khẩu gạo và vị trí này vẫn duy trì cho đến nay. Kỳ tích này là kết quả tổng hợp của chính sách Đổi Mới ở Việt Nam cùng với sự phát triển về khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp. Theo Tổng cục Thống kê,

năm 1995, Việt Nam xuất khẩu gần 2 triệu tấn gạo, đứng thứ ba sau dầu thô và than. Đến năm 2010, xuất khẩu gạo tăng 3,5 triệu tấn, chiếm vị trí thứ nhất. Tính từ năm 2007 đến năm 2012, xuất khẩu gạo vẫn tăng ổn định với sản lượng từ 4,5 triệu đến 8 triệu tấn. Từ năm 2013 đến năm 2015, do nhiều nguyên nhân lượng gạo xuất khẩu có giảm nhưng đây vẫn là mặt hàng xuất khẩu chủ lực sau than đá, dầu thô và dệt may. Năm 2014, sản lượng gạo xuất khẩu gạo khoảng 6,5 triệu tấn. Thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam hiện nay là các nước Trung Quốc, Philippines, Malaysia và Indonesia¹.

Tuy đặc điểm sản xuất và lịch sử tham gia thị trường của nông dân vùng ĐBSCL ít nhiều đã được

¹ Trung tâm Tin học và Thống kê 2012. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch 4 tháng năm 2012 ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn, Hà Nội; Hà Văn Hội 2015. "Tham gia TPP: Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu gạo của Việt Nam." Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh, tập 31, số 1 (2015), tr.3-4

nhận diện và phân tích (xin xem Phạm Cao Dương 1965, Trịnh Như Kim 1973, Nguyễn Phan Quang 2004, Trần Hữu Quang 1984, Trần Hữu Quang và Phan Thanh Lôi 2015, Vũ Ngọc Xuân Ánh 2015) nhưng chủ đề này vẫn còn cần nhiều sự tập trung nghiên cứu một cách có hệ thống. Bài viết là một nỗ lực nhận diện đặc điểm sản xuất thị trường của nông dân ĐBSCL trong bối cảnh hiện nay.

Phương pháp nghiên cứu và đặc điểm hộ gia đình nông dân sản xuất lúa gạo được khảo sát tại huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy địa bàn tỉnh An Giang là địa phương đáp ứng được các tiêu chí cho điểm nghiên cứu về hoạt động sản xuất lúa gạo theo định hướng thị trường do đây là nơi có sự tham gia mạnh mẽ vào sản xuất lúa gạo thị trường và là nơi có nhiều chính sách và mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp. Trong tỉnh An Giang, chúng tôi chọn huyện Thoại Sơn, một trong những huyện có diện tích trồng lúa lớn của tỉnh. Bên cạnh đó, Thoại Sơn còn là nơi hiện đang áp dụng các mô hình liên kết sản xuất trồng lúa tiên tiến. Trong huyện Thoại Sơn, chúng tôi đã chọn ra ba xã Bình Thành, Vọng Đông và Óc Eo để khảo sát các hộ nông dân trồng lúa. Bình Thành và Vọng Đông là hai xã nông nghiệp quan trọng của huyện Thoại Sơn, có sự tồn tại của các loại hình hợp tác xã nông nghiệp. Để có cái nhìn toàn diện về hoạt động kinh tế hộ nông dân, chúng tôi còn khảo sát các hộ nông dân tộc người Khmer ở thị trấn Óc Eo, nơi có đông người Khmer sinh sống. Tổng cộng, chúng tôi đã phỏng vấn sâu 36 hộ nông dân, trong đó có 5 hộ người Khmer, ở ba địa điểm khảo sát và các nhà quản lý, các kỹ sư nông nghiệp, các doanh nghiệp kinh doanh lúa gạo và cung ứng dịch vụ nông nghiệp. Cuộc nghiên cứu được thực hiện vào năm 2014, với phương pháp nghiên cứu chủ yếu là định tính.

Các hộ nông dân được khảo sát chủ yếu là gia đình có 2-3 thế hệ. Quy mô hộ gia đình là 4-5

người². Ngoài đất sản xuất nông nghiệp có được nhờ thừa kế, các hộ đều mua hay thuê mướn thêm để canh tác. 100% hộ gia đình đều có đất sản xuất nông nghiệp từ thừa kế. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp hộ sở hữu thấp nhất là 0,5 ha và nhiều nhất là 12 ha; trong khi đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp hộ canh tác thấp nhất là 1 ha và cao nhất 20 ha (1 vụ). Diện tích canh tác tăng thêm này chủ yếu là do đi thuê mướn lại của các hộ không còn khả năng lao động nông nghiệp hay đã chuyển sang các ngành nghề khác. Toàn huyện Thoại Sơn có 41.472,82 ha đất nông nghiệp (chiếm 88,46% diện tích tự nhiên), chủ yếu là đất trồng lúa với 39.299,24 ha (chiếm 97% đất sản xuất nông nghiệp)³. Lúa cũng là cây trồng thế mạnh của Thoại Sơn, đây là huyện đứng đầu về diện tích gieo trồng và sản lượng của An Giang; chiếm khoảng 16,9% về diện tích và khoảng 16,8% về sản lượng trong toàn tỉnh. Phần lớn diện tích đất trên địa bàn huyện được giao, cho thuê, và quản lý sử dụng. Đối tượng sử dụng chính là hộ gia đình và cá nhân (90% diện tích tự nhiên, 98% đất nông nghiệp). Hầu hết đất sản xuất nông nghiệp của huyện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng⁴.

2. Đặc điểm sản xuất theo định hướng thị trường của các hộ nông dân

Khi nghiên cứu tại huyện Thoại Sơn thuộc tỉnh An Giang, một trong những tỉnh có sản lượng lúa gạo lớn của vùng và cũng là nơi áp dụng nhiều mô hình sản xuất tiên tiến, chúng tôi nhận thấy hoạt động sản xuất lúa gạo của các hộ gia đình tại đây thể hiện rõ tư duy định hướng thị trường qua các

² Đề tài “Nghiên cứu tổng hợp điều kiện tự nhiên, xã hội và giá trị lịch sử - văn hóa phục vụ phát triển bền vững khu vực Thoại Sơn tỉnh An Giang”, đề tài trọng điểm cấp Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh năm 2012-2014, do GS.TS.Trương Quang Hải và PGS.TS.Võ Văn Sen làm chủ nhiệm, được thực hiện tại Thoại Sơn cũng cho thấy quy mô hộ gia đình tại Thoại Sơn là 4,56 người.

³ Phòng thống kê huyện Thoại Sơn. 2011. *Niên giám thống kê năm 2011*, tr. 29.

⁴ UBND huyện Thoại Sơn 2013. Báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2012 (tính đến thời điểm 1/1/2013). Ngày 18 tháng 01 năm 2013, tr.2-6.

đặc điểm: mở rộng sản xuất, vay vốn đầu tư cho sản xuất, lựa chọn giống lúa, áp dụng khoa học kỹ thuật - cơ giới hóa và tham gia chuỗi liên kết sản xuất.

2.1. Mở rộng sản xuất

Một trong những đặc điểm phân biệt giữa sản xuất hộ gia đình và doanh nghiệp tư bản như A.V.Chayanov (1926) đã quan sát là quy mô sản xuất của hộ gia đình nông nghiệp phụ thuộc vào quy mô hộ gia đình. Tuy nhiên, ông khẳng định đây không phải là yếu tố quyết định duy nhất (tr.69). Các hộ gia đình nông dân sản xuất lúa gạo ở Thoại Sơn cũng thể hiện quy luật này. Việc mở rộng sản xuất có thể diễn ra theo các hướng: mở rộng diện tích canh tác (mua hay thuê thêm), tăng vụ (tăng vụ lúa canh tác trong một năm hay canh tác hoa màu vào những mùa mà nếu trồng lúa sẽ kém năng suất và lợi nhuận hơn) hay mở rộng nghề nghiệp (làm thuê hay làm dịch vụ).

Mở rộng diện tích canh tác: xu hướng tích tụ đất đai là một hiện tượng phổ biến ở các nông hộ ở huyện Thoại Sơn. Mục đích của tích tụ đất đai là để mở rộng sản xuất và để chia cho con cái vì đất là nguồn tài sản quan trọng ở nông thôn. Như Trần Hữu Quang và Phan Thanh Lôi (2015) đã nhận định, do đặc trưng của làng xã Nam Bộ là “việc sở hữu ruộng đất cũng như công việc sản xuất nông nghiệp của các nông hộ đã tách ra khỏi định chế làng xã” và làng “không còn mang tính tự trị” như làng Việt cổ truyền nữa nên hiện tượng “phụ canh”⁵ diễn ra rất phổ biến. Theo đó, ruộng vườn của các hộ nông dân ở Nam Bộ không nhất thiết gắn liền với nơi cư trú làng xã mà còn mở rộng ra các địa phương khác. Tuy đây cũng là một hiện tượng phổ biến ở các địa bàn khảo sát của chúng tôi nhưng người dân vẫn có tâm lý thích có ruộng ở gần nhà

hay các mảnh ruộng ở gần nhau để tiện công chăm sóc và canh tác.

Việc tích tụ ruộng đất của hộ gia đình cũng diễn ra theo quy mô phát triển của hộ gia đình. Theo quan sát của chúng tôi (xem thêm Hoàng Cẩm và các tác giả 2014), trong các gia đình theo phụ hệ ở Thoại Sơn, con gái không được chia tài sản bình đẳng như con trai do con trai được kỳ vọng sẽ phụng dưỡng cha mẹ, trông coi mồ mả, thờ cúng tổ tiên. Ở Thoại Sơn, khi đôi vợ chồng mới ra riêng, theo phong tục, họ sẽ được thừa kế đất (thường là đất ruộng) từ phía bên chồng, và trên cơ sở đó, tùy theo khả năng “làm ăn” của hộ gia đình trẻ này, họ sẽ tích tụ hay thuê thêm đất canh tác. Khi con cái của cặp vợ chồng này trưởng thành, số đất đai thừa kế hay tích tụ của họ sẽ được chia cho các con trai theo các nguyên tắc: chia đều hay chia cho các con ra riêng trước phần nhiều hơn đôi chút do họ là những lao động giúp cha mẹ canh tác để nuôi gia đình, hay chia cho con trai ít phần nhiều hơn (được thừa kế thêm phần đất hương hỏa cha mẹ để lại) do là người thường phụng dưỡng cha mẹ khi về già. Và cứ như thế, quy luật tích tụ đất đai lại bắt đầu chu kỳ mới. Trong nhiều trường hợp, đất đai của cha mẹ ít nên khi chia đều cho con cái số đất đó không đủ để canh tác. Do vậy, người con nào có khả năng canh tác thường “thuê” hay mua lại đất của các anh em của mình. Những anh em khác có thể chuyển sang ngành nghề khác hay mua đất nơi khác để canh tác. Nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định, truyền thống ở Nam Bộ và bối cảnh phát triển hiện nay ở Nam Bộ có tồn tại phong tục chia đất cho con gái. Chẳng hạn như Hoàng Cẩm và các tác giả (2014) phát hiện là trong bối cảnh dòng họ phụ hệ loại trừ sự tiếp cận đất đai của phụ nữ thì các kết quả nghiên cứu cũng cho thấy đã có truyền thống chia đất cho con gái trong các trường hợp gia đình con gái gặp khó khăn, hôn nhân đổ vỡ, hay cha mẹ có nhiều tài sản và đất đai.

Không phải tất cả các hộ gia đình đều có điều kiện để tích tụ đất đai. Tích tụ đất đai phụ thuộc vào

⁵ Theo các tác giả, trong địa bạ triều Nguyễn năm 1836, ruộng đất thuộc sở hữu của người trong làng được ghi là phân canh, còn ruộng đất của người ngoài làng thì ghi là phụ canh (Trần Hữu Quang và Phan Thanh Lôi 2015. “Ứng xử kinh tế của nông hộ trong bối cảnh làng Việt ở Nam bộ.” *Tạp chí Khoa học Xã hội thành phố Hồ Chí Minh*. Số 1(197) 2015, tr. 38-39).

điều kiện kinh tế của hộ và đất đai sẵn có để mua hay không. Do vậy, để mở rộng canh tác đáp ứng nhu cầu sinh kế của gia đình, các hộ nông dân ở Thoại Sơn hiện nay rất phổ biến việc thuê ruộng để mở rộng canh tác. Việc cơ giới hóa và chuyên môn hóa hiện nay trong nông nghiệp càng tạo điều kiện cho việc mở rộng diện tích thuê mượn do người nông dân không phải trực tiếp tham gia vào tất cả các khâu canh tác.

Giai đoạn hộ gia đình mở rộng diện tích sản xuất chính là giai đoạn đôi vợ chồng của hộ gia đình phải lo các chi phí nuôi con ăn học và trường thành. Bên cạnh đó, do hiện nay dân số phát triển và bình quân diện tích đất của hộ đang có xu hướng giảm nên dù quan niệm địa phương cho là nhà có trên 1 ha là “khá” về đất đai⁶ nhưng muốn đủ chi phí để duy trì, nuôi dưỡng các quan hệ xã hội thì một hộ (4-5 nhân khẩu) “sống được” ít nhất phải có 3 ha cho hộ có số khẩu trung bình từ 4 đến 5 người. “*Chỉ cần một ha đất đây không có đủ đâu. Đám tiệc dĩa lăm lăm, thổi xôi, đầy thúng, đám hỏi, tá lả* (PVT, nam, sinh năm 1962, nông dân, Bình Thành, Thoại Sơn). Khi con cái lớn và tự lập, họ lại thu hẹp quy mô sản xuất. Chẳng hạn như hộ PVT (sinh năm 1962) kế thừa đất từ cha mẹ được 1 ha khi ra riêng vào năm 26 tuổi. Kể từ đó để có thể nuôi gia đình có 4 nhân khẩu “*có một lúc chú cũng thuê mượn đất nhiều lắm. Chú có một hec ta thôi mà chú thuê thêm hai hec ta nữa, hai mẫu nữa đó, chú thuê cách đây chắc cũng khoảng 12 hay 13 năm. 12-13 năm về trước là chú có thuê đất của nông dân khác làm khi đó chú còn trẻ*” ... “*Chú nói với cháu số tiền đó hồi cô chú làm dư dả thời còn trẻ đó, cho nên giờ mình mới tung ra cho con mình đi học cái nghề theo ý thích của nó*”. Hay như hộ NTĐ (sinh năm 1964),

⁶ Theo báo cáo của xã Bình Thành, bình quân diện tích đất nông nghiệp của xã là 2.812 m²/ người (khoảng 0,2 ha). Như vậy, đối với một hộ có từ 4-5 khẩu thì diện tích bình quân là khoảng từ 1,1 đến 1,4 ha/ hộ (Trung tâm quan trắc và kỹ thuật môi trường tỉnh An Giang. *Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp - công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ*. tr.9).

nhà có 6 người (vợ, chồng và 4 người con chung kinh tế, có một người con đã tách riêng) hộ có 5 ha và thuê 10 ha để trồng lúa. Bên cạnh đó, thời gian trước đây, hộ còn mua sắm máy cắt, máy cày để làm cho gia đình và làm dịch vụ cho các hộ khác. Tuy nhiên, khi con cái có việc làm thì hộ gia đình này thu hẹp lĩnh vực làm dịch vụ “*như mọi lần mượn máy cắt tui có sắm hết nhưng mà giờ hai thằng nhỏ đi làm hết có mình ên tui ở nhà thành ra tui bán hết tron*”.

Việc tích tụ tư liệu sản xuất này diễn ra từ từ theo khả năng tích lũy của hộ nông dân như hộ NVH (sinh năm 1955) có 4 ha đất canh tác lúa ở Bình Thành, Thoại Sơn, An Giang: “*Bắt đầu năm 1991 hồi đó tui mua ba lần mới được bốn hec ta. Lần đầu tiên mua hai chục công là hai ha. Lần thứ nhì mua thêm mười nữa, một lần thứ ba mua thêm mười nữa. Ba lần vậy mới được bốn ha. Năm 1991, rồi đến năm 1993 mua rồi. Năm 1991 mua một lần rồi năm 1993 mua một lần nữa. Tiền để dành từ trồng lúa*”.

Hiện nay, nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất dẫn đến kết quả là việc tích tụ đất đai của các hộ gia đình thường vượt khỏi khung hạn điền của nhà nước⁷. Ở Thoại Sơn phổ biến hiện tượng hộ các nông dân tích lũy đất canh tác vượt hạn điền có các cách ứng phó như tách hộ hay nhờ người khác đứng tên để vừa tránh hạn điền vừa tránh thuế lũy tiến trước đây và thuế vượt hạn điền sau này.

Tăng vụ và tham gia vào việc làm phi nông nghiệp: Bên cạnh việc mở rộng diện tích, các hộ nông dân ở Thoại Sơn còn rất tích cực tăng số vụ trồng trong một năm. Với hệ thống đê bao ngăn lũ, ở một số vùng ở ĐBSCL người dân đã có thể canh tác 3 vụ/ năm, thậm chí 7 vụ trong 2 năm. Ở Thoại Sơn, việc canh tác lúa gạo được thực hiện liên tục trong năm: “*Bây giờ là làm được nhất. Bây giờ tại*

⁷ Điều 129 Luật Đất đai năm 2013 nêu rõ hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất không quá 3 ha đối với mỗi loại đất cho các tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long

vì nhà nước khép kín (làm đê bao) đó, mình hẳn được ba vụ, hồi đó hai vụ hà. Làm vụ này xong chuyển liền sang vụ khác đâu có để cho đất nghỉ bao nhiêu, cùng lắm là 10 ngày” (MVD, nam, 54 tuổi, Vọng Đông, Thoại Sơn). Do trong 3 vụ, chỉ có vụ Đông Xuân là có năng suất cao nên các vụ còn lại hay ngay trong vụ Đông Xuân, một số hộ dân còn cân nhắc canh tác thêm các loại rau màu và cây ăn trái ngắn ngày như dưa hấu, dưa leo, ... “*Chính của mình là trồng lúa, trồng cái nghề rẫy này, nói ngay thu hoạch nó mau hơn lúa, dưa leo một tháng thu hoạch rồi là mình bê lai rai, lai rai hoài rồi, còn cái lúa mình tới ba tháng lận... Mười lăm công mà trồng rẫy hết ba công rồi đó*” (NVT, nam, 45 tuổi, Bình Thành, Vọng Đông, Thoại Sơn). Tuy nhiên, đây chỉ là hoạt động phụ so với trồng lúa và cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Bên cạnh việc mở rộng canh tác bằng việc tích tụ hay thuê mướn đất để canh tác thêm, trong bối cảnh các động thái kinh tế ở địa phương và vùng hiện nay, các hộ còn tham gia các ngành nghề phi nông nghiệp. Đó thường là những hộ không có điều kiện tích tụ đất đai. Chẳng hạn như hộ QVS (sinh năm 1978) có 0,3 ha, thuê⁸ thêm của mẹ và người em khác trong gia đình, tổng cộng được 1 ha ruộng canh tác; nhà có 5 nhân khẩu (có 2 con chung kinh tế và ở cùng với mẹ của anh S). Ngoài canh tác cho hộ mình, anh QVS còn đi làm thuê (lao động nông nghiệp: xịt thuốc, đắp bờ, vác mướn). Do đầu tư cho con học hành ngày càng tốn kém nên đối với hộ của anh “*bây giờ làm ruộng với làm mướn thêm thu nhập đó là nói chung bây giờ không đủ luôn rồi đó. Con bây giờ nó lớn, học lớp cao rồi thì khoản chi không đủ nữa. Bây giờ triển khai làm rẫy thêm, trồng màu thêm chứ đâu có đủ đâu. Làm rẫy lời hơn làm lúa*”.

Các hộ nông dân khảo sát đều cho thấy bên cạnh trồng lúa là ngành nghề chính thể hiện qua thời gian

đầu tư, để tăng thêm thu nhập cho hộ, đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng của gia đình trong bối cảnh hiện nay, các hộ nông dân ở Thoại Sơn còn tham gia vào các lĩnh vực khác cũng liên quan đến nông nghiệp như canh tác hoa màu và làm dịch vụ trong nông nghiệp.

2.2. Vay vốn đầu tư cho sản xuất

Khác với sản xuất tự cung tự cấp, sản xuất thị trường đòi hỏi sự đầu tư vốn cao và vòng quay tư bản nhanh. Các nông dân sản xuất lúa gạo ở Thoại Sơn thường có đất đai là nguồn tài sản quan trọng. Trong bối cảnh sản xuất thị trường, họ dùng nguồn tài sản này thế chấp để vay vốn sản xuất. ĐBSCL thường được miêu tả là vùng đồng bằng màu mỡ do sự bồi đắp phù sa của mạng lưới sông ngòi chằng chịt. Tuy nhiên, trước những biến đổi ở cấp độ vùng (mạng lưới các đập thủy điện trên dòng sông Mê Kông), cấp độ địa phương (đắp đê bao ngăn lũ), người nông dân thường miêu tả “*lúa bây giờ sống đâu cần đất, chỉ cần phân và thuốc thôi*”. Với chính sách đẩy mạnh xuất khẩu gạo, Việt Nam đã có cuộc cách mạng về giống lúa và khoa học kỹ thuật. Các giống lúa người dân hiện đang canh tác chủ yếu là các giống lúa lai. Do vậy, người dân phụ thuộc rất nhiều vào các công ty giống và phân bón để canh tác các giống lúa này. Sự phụ thuộc này làm tăng chi phí sản xuất. Do vậy, đòi hỏi nông dân phải có nhiều vốn để đầu tư. Chẳng hạn như hộ QVT (sinh năm 1968) ở xã Bình Thành có 2 ha đất canh tác giống lúa IR5050 (giống lúa 3 tháng) với lượng giống gieo sạ là 230kg/ha, đã tốn chi phí tổng cộng cho vụ Đông Xuân (năm 2012) là 21.533.000 đồng, năng suất đạt 6,56 tấn/ha. Để có thể đầu tư canh tác vụ Đông Xuân, hộ đã phải vay Quỹ tín dụng và vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 40 triệu.

Nông dân vùng Thoại Sơn thường canh tác 3 vụ một năm. Tất cả sản phẩm thu được đều được bán ra thị trường. Một số hộ có để lại phần lương thực vừa đủ dùng cho 1 vụ mùa, một số thì bán hết hoàn toàn và mua gạo ăn ngoài thị trường cho hợp khẩu

⁸ Anh QVS có 0,5 ha được mẹ chia cho, anh thuê đất của mẹ và em trai út 0,5 ha nữa với giá 3 triệu/ năm trong khi giá thị trường là 4 triệu/ năm.

vị. Vụ Đông Xuân là vụ trồng thuận lợi nhất và có chi phí thấp nhất so với vụ Hè Thu và Thu Đông. Do vậy, nếu trồng 3 vụ một năm chi phí sẽ rất cao so với thu nhập trung bình hộ/ năm⁹. Ở Thoại Sơn, việc vay vốn được hình dung qua khái quát và minh họa của các nông dân:

Ở đây 10 người thì hết 9 hộ cầm sổ ở ngân hàng rồi. Vay vốn để làm ruộng. Nghề này ăn trước trả sau. Đầu vụ cứ đi thế chấp sổ vay ngân hàng rồi cuối vụ bán lúa trả.

(LHD, nam, sinh năm 1956, Vọng Đông, Thoại Sơn, An Giang)

Trong 36 hộ chúng tôi khảo sát thì tất cả đều đã và đang vay vốn để sản xuất. Cụ thể là vay để mua máy móc như máy cày, máy xới, máy gặt đập liên hợp¹⁰, mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, làm bờ, mướn cày, xới, sạ, xịt thuốc,... Thế nhưng nghề trồng lúa vốn có nhiều bất ổn tác động đến năng suất và sản lượng mùa vụ, chẳng hạn như thời tiết và dịch bệnh. Trong điều kiện nguồn vốn sản xuất phải lệ thuộc vào bên ngoài, khi gặp các yếu tố bất ổn như vậy người nông dân sẽ phải gánh chịu rủi ro.

Tại Thoại Sơn, để có vốn sản xuất, người dân chủ yếu dựa vào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ tín dụng nhân dân (như Quỹ tín dụng Vọng Đông, Quỹ tín dụng Núi Sập,...), các đại lý/ công ty cung ứng vật tư nông nghiệp,... Hình thức vay vốn có thể là tiền mặt (vay từ ngân hàng và quỹ tín dụng) hay là hàng hóa (vay từ các đại lý/ công ty cung ứng vật tư nông nghiệp). Do

⁹ Theo Tổng cục Thống kê, thu nhập bình quân đầu người một tháng năm 2012 của cả nước là 2.000.000 đồng và của ĐBSCL là 1.785.000 đồng (Tổng cục Thống kê 2012. Niên giám thống kê năm 2012, tr. 718). Như vậy, đối với hộ gia đình ở Thoại Sơn với số khẩu trung bình 4,56 người/ hộ trong đó số lao động trung bình là 2,5 người/hộ thì thu nhập trung bình của hộ chỉ khoảng hơn 8.000.000 đồng/ hộ/tháng. Như vậy, chi phí đầu tư cho sản xuất lúa gạo một vụ hơn gấp đôi số thu nhập trung bình hộ/tháng. Do vậy, hiện tượng vay vốn sản xuất rất phổ biến ở Thoại Sơn nói riêng, An Giang và ĐBSCL nói chung.

¹⁰ Trong việc mua máy móc sản xuất, có những hộ đi tiên phong trong việc sử dụng máy móc được địa phương hỗ trợ cho vay với lãi suất 0%. Ví dụ như hộ Q.M.L ở Bình Thành, canh tác 8 ha lúa, vào năm 2000 khi máy gặt đập liên hợp được giới thiệu ở địa phương, ông đã được Phòng Nông nghiệp huyện giới thiệu và được ngân hàng cho vay để mua trong vòng 3 năm không trả lãi.

vậy, hiện tượng vay vốn sản xuất rất phổ biến ở Thoại Sơn nói riêng, An Giang và ĐBSCL nói chung. Một người dân minh họa cho việc lựa chọn nguồn vốn vay của mình:

Vay của Quỹ tín dụng Rạng Đông. Bên kế ủy ban nè. Không của tư nhân, cũng như mấy ngân hàng thương mại vậy. Nó hoạt động cho vay như ngân hàng vậy đó, cái dạng nó như là bán lẻ vậy. Thế chấp bằng khoán với lại tài sản mới vay được. Mỗi một công thì vay được khoảng hai, ba chục triệu. Lãi suất thì thấy nó hơi cao, cao hơn (ngân hàng) chút. Thí dụ ngân hàng nhà nước 1% thì anh này khoảng 1,3% hay 1,35% một tháng. Lãi suất nó cao hơn nhà nông nghiệp chút xíu, nhưng mà thủ tục nhà nông nghiệp thì khó khăn hơn một tí, phải đi công chứng còn quỹ tín dụng thì khỏi, chỉ cần giấy xác nhận của địa phương là rồi.

(Ng.V.B, nam, sinh năm 1953, Vọng Đông, Thoại Sơn, An Giang)

Như vậy, sự đa dạng về loại hình cung cấp tín dụng với lãi suất phù hợp đã hỗ trợ mạnh mẽ cho nông dân về nguồn vốn khi tham gia sản xuất thị trường.

2.3. Áp dụng khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa

Nghề trồng lúa của vùng ĐBSCL thường được coi là nghề “lấy công làm lời” và sản xuất theo quy mô hộ gia đình với đặc trưng là lao động của hộ gia đình tham gia vào quá trình sản xuất. Trong bối cảnh sản xuất định hướng thị trường hiện nay, các hộ gia đình sản xuất lúa gạo ở Thoại Sơn đã ít nhiều mất đi đặc trưng này. Với nhu cầu mở rộng sản xuất, các hộ gia đình hiện đang áp dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa trong sản xuất để tối đa hóa năng suất lúa gạo. Hầu như các công đoạn đều được cơ giới hóa chỉ trừ những một số công đoạn như cấy dặm, bón phân, phun thuốc,... là phải thuê mướn nhân công làm thủ công. Các công đoạn này hiện nay cũng được chuyên môn hóa với việc hình thành các đội ngũ lao động chuyên cung cấp dịch vụ. Việc áp dụng khoa học kỹ thuật đặc biệt trong việc làm giống (mua giống xác nhận với

giá đất hơn tự để giống), bón phân, xử lý đất và sử dụng thuốc (trừ sâu, diệt cỏ, đặc trị các loại bệnh trên lúa) mặc dù có thể được xem là sự thích nghi của các nông hộ trong bối cảnh đất đai bạc màu nhưng xét cho cùng đây chính là kết quả của nhu cầu tăng năng suất và tận dụng triệt để vòng quay mùa vụ. Sự thay đổi này cũng dẫn đến sự thay đổi về phân công lao động theo giới. Nếu như trước đây việc trồng lúa cần cả lao động nam và nữ, đặc biệt ở công đoạn cấy, thì giờ đây do các công đoạn đã được cơ giới hóa nên trồng lúa được coi là công việc của nam giới do họ “nắm kiến thức kỹ thuật”. Sự lựa chọn áp dụng khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa này cũng được cho là thay đổi nổi bật nhất trong truyền thống sản xuất lúa gạo của nông dân địa phương nói riêng và của ĐBSCL nói chung.

Từ khi máy ồng dạy khoa học kỹ thuật đó ha, bắt đầu từ hai chục năm về đây nè. Rồi càng ngày dân học thêm thêm, coi như bữa nào cũng có chương trình của thành phố Hồ Chí Minh, của bảo vệ thực vật An Giang, tui theo dõi đài dừ lằm. Số điện thoại máy ồng giáo sư, kỹ sư số điện thoại tui lưu nhóc hét tron, tui ra thăm đồng không biết tui điện trực tiếp tui hỏi máy ồng. Cày bò thì nó tốn công dừ dần lằm nhưng lằm bò nhà mình thì nó lòi, làm máy thì tốn dầu này kia, mình muốn người ta nữa. Bò thì ai mà sắm để cày nữa, cày cả chục công thì mấy ngày không rồi. Nó lâu lằm, làm máy hiệu quả hơn.

(M.S, nam, sinh năm 1968, người Khmer, Óc Eo, Thoại Sơn, An Giang)

Nổi bật trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật là việc lựa chọn giống lúa canh tác, vì đây là điều kiện cần để nông dân có một vụ mùa bội thu. Việc lựa chọn giống lúa canh tác của nông dân ở Thoại Sơn thể hiện rõ tư duy sản xuất thị trường, trong đó yếu tố lợi nhuận được đặt lên hàng đầu.

Chọn giống lúa canh tác:

Với truyền thống sản xuất nông nghiệp, nông dân ở Thoại Sơn ngay từ buổi đầu đã dần dần biến vùng đất hoang hóa này thành những cánh đồng canh tác lúa gạo. Với những tiến bộ trong cuộc cách

mạng về giống, giống lúa ngắn ngày (Thần Nông) đã được canh tác 2 vụ/ năm ở Thoại Sơn từ trước giải phóng. Tuy nhiên, do tính chất ác liệt của cuộc chiến tranh, việc canh tác này không được duy trì và phát triển. Khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, từ năm 1979, chính quyền Thoại Sơn đã chủ trương chuyển sang canh tác lúa 2 vụ nhưng không thành công do đất vùng này bị nhiễm phèn nặng. Sau khi hoàn thiện công tác thủy lợi để cải thiện chất đất, kể từ năm 1990 Thoại Sơn đã chuyển vụ 100% diện tích. Bắt đầu từ giai đoạn 1996-2000, với sự hoàn thiện hệ thống đê bao ngăn lũ, nông dân Thoại Sơn chuyển sang canh tác 3 vụ/ năm¹¹.

Khi canh tác lúa một vụ, các nông dân thường trồng các giống lúa mùa (lúa nổi) có năng suất trung bình khoảng 1 tấn/ ha. Với cuộc cách mạng lúa giống trong việc gia tăng năng suất và rút ngắn thời gian canh tác, nông dân đã lần lượt thay đổi các giống lúa canh tác theo định hướng thị trường để gia tăng lợi nhuận. Các giống lúa hiện đang trồng phổ biến ở địa phương là Jasmine, OM6976, OM4218, OM2517, OM4900, Nàng Hoa 9, IR50404,... Đây là các giống lúa ngắn ngày, trong đó IR50404 là giống lúa ngắn ngày nhất: 85-90 ngày là có thể thu hoạch, các giống lúa khác thường là 100 ngày.

Việt Nam là nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai trên thế giới về sản lượng, thế nhưng giá trị xuất khẩu này vẫn thường được nhìn nhận là chưa tương xứng với tiềm năng do giá cả xuất khẩu tương ứng với chất lượng còn thấp. Hoạt động sản xuất lúa gạo ở Thoại Sơn minh họa rất rõ cho bức tranh này. Cụ thể, trong việc lựa chọn giống lúa, mặc dù hiện nay Nhà nước khuyến khích nông dân trồng các giống lúa chất lượng cao để bán được giá cao nhưng theo tính toán của nông dân thì họ lại không trồng loại lúa được khuyến khích, thay vào đó là giống lúa cao sản không được khuyến khích. Sự tính toán này dựa

¹¹ Huyện ủy – UBND Huyện Thoại Sơn. Kỳ yếu Thoại Sơn: 30 năm một chặng đường 23/8/1979-23/8/2009.

trên tính toán chi phí - lợi nhuận của hộ gia đình như một nông dân minh họa:

Mà mấy ông cứ kêu dân sạ làm cái gạo tốt, nhằm lúc nó bằng cái giá này nè mà cái lúa này (OM 50404) người ta sạ chỉ có chín mươi ngày thôi, hoặc tám mươi lăm, mà cái giống kia tới một trăm lẻ năm ngày mà chi phí nó cao hơn. Mà có những năm nó không có hơn thặng này bao nhiêu. Mấy ông phát động kêu hoài à, mà dân không chịu làm. Cũng có làm giống khác nhưng mà loại này làm nhiều. Thí dụ xóm một trăm người thì hết chín mươi lăm người người ta làm cái này (OM 50404) rồi. Chỉ có năm người làm giống kia. Những người làm giống kia là những người người ta có tiền, người ta có tiền thì không có giá người ta trả lại nhà; còn dân này thì đâu có làm. Làm giống kia nếu mà nó mua không có giá nữa thì tiền đâu mà trả cho ngân hàng.

(NVH, nam, sinh năm 1955, Bình Thành, Thoại Sơn, An Giang)

Như vậy, ở Thoại Sơn, mặc dù có các mô hình liên kết giữa nông dân và công ty dịch vụ nông nghiệp - xuất khẩu, theo đó công ty và nông dân sẽ ký kết hợp đồng với phân nhiệm công ty cung cấp giống, phân bón, thuốc trừ sâu và tư vấn kỹ thuật qua việc cử các kỹ sư hỗ trợ và giám sát các hộ nông dân trong quá trình canh tác, nhưng thực tế cho thấy đa số các hộ dân đang sản xuất theo quy mô hộ gia đình, theo đó họ tự ra các quyết định trong quá trình sản xuất. Sự mâu thuẫn lợi ích giữa hộ nông dân và lợi ích của các mô hình liên kết được khuyến khích trong việc lựa chọn các giống lúa do sự tác động của cấu trúc thị trường đã dẫn đến kết quả là hiện nay người dân vẫn chọn giống lúa canh tác chú trọng đến sản lượng. Việc áp dụng khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa trong canh tác là một sự thay đổi nổi bật trong nông nghiệp. Sự thay đổi này trước hết là để giải phóng sức người và thứ hai là để tăng năng suất lúa gạo canh tác nhằm tạo ra nhiều sản phẩm.

2.4. Tham gia chuỗi liên kết sản xuất

Hiện nay mô hình cánh đồng mẫu lớn như “mô hình liên kết bốn nhà” đang là một giải pháp nhằm nâng cao chuỗi giá trị sản xuất lúa gạo với việc hình thành các vùng thâm canh lúa hiệu quả, bền vững theo hướng GAP¹², tiến tới xây dựng vùng nguyên liệu lúa hàng hóa xuất khẩu chất lượng cao. Mô hình này được xây dựng và vận hành dựa trên lợi ích được chia sẻ giữa các bên tham gia trong chuỗi sản xuất¹³. Về hình thức, mô hình được thử nghiệm tại các điểm trình diễn ở các tỉnh thành của ĐBSCL với quy mô diện tích từ vài ha đến vài chục ha qua nhiều hình thức và nội dung thực hiện. Ví dụ như cánh đồng canh tác theo những tiến bộ kỹ thuật mới (3 giảm 3 tăng; 1 phải 5 giảm; cánh đồng một giống, cánh đồng hiện đại, cánh đồng lúa chất lượng cao;...)¹⁴.

¹² Là từ viết tắt của Good Agriculture Practice (Thực hành nông nghiệp tốt), là công nghệ sản xuất tiên tiến của nhà nông. Sản xuất phải theo quy trình kỹ thuật, năng suất cao, chất lượng tốt, hàng đẹp và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, sản xuất trong môi trường không ô nhiễm. Đặc biệt GAP còn quan tâm an toàn phúc lợi cho người lao động (người lao động phải được trang bị kiến thức, kỹ năng và bảo hộ lao động, được lao động trong điều kiện tối ưu, thoáng mát) (Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh An Giang).

¹³ Tại Nam bộ, mô hình này được thực hiện rất đa dạng. Việc xây dựng mô hình “cánh đồng mẫu lớn” theo chủ trương của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện nay được thực hiện tại hầu hết các tỉnh thành Nam bộ từ lễ phát động phong trào vào ngày 26 tháng 3 năm 2011 tại thành phố Cần Thơ. Xuất phát từ bối cảnh diện tích đất canh tác lúa của từng hộ dân vẫn còn nhỏ, người dân canh tác nhiều giống lúa khác nhau cùng lúc, chất lượng hạt lúa sản xuất ra không cao dẫn đến giá trị thấp, và thị trường đầu ra còn nhiều bấp bênh, mô hình “cánh đồng mẫu lớn” được xây dựng để giúp liên kết bốn nhà, tạo thành một chuỗi giá trị, tiết kiệm chi phí, nâng cao thu nhập và giải quyết các vấn đề tồn đọng do sản xuất manh mún nhỏ lẻ gây ra. Mục đích cuối cùng là nâng cao giá trị của chuỗi sản xuất. Trong quá trình thực hiện xây dựng mô hình, các bên tham gia đều thụ hưởng lợi ích một cách cao nhất. Trong đó, nông dân người trực tiếp sản xuất được hưởng lợi từ các dịch vụ. Từ hiệu quả sản xuất của mô hình *cánh đồng mẫu lớn*, ngày 25 tháng 10 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 62/2013/QĐ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng *cánh đồng lớn* để tăng cường sự gắn bó hợp tác giữa doanh nghiệp và nông dân để nâng cao giá trị và lợi nhuận sản xuất. Quyết định này dành nhiều ưu đãi cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào cánh đồng mẫu lớn.

¹⁴ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cục Trồng trọt. 2012. *Tiêu chí xây dựng cánh đồng mẫu lớn*. NXB. Nông nghiệp, tr.34-35.

Tại An Giang, Chi cục Bảo vệ Thực vật làm đầu mối triển khai. Cánh đồng mẫu lớn thực chất là mô hình chiến lược được Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật (BVTV) An Giang (nay là tập đoàn Lộc Trời) thực hiện thành công trong chiến lược phát triển theo chuỗi giá trị nông nghiệp từ năm 2010. Xuất phát điểm của mô hình này là chương trình cùng nông dân ra đồng (năm 2006), sau đó là chương trình “đầu tư thu mua và chế biến lúa gạo” (năm 2010). Với hoạt động mới trong lĩnh vực thu mua và chế biến lúa gạo, mô hình cánh đồng mẫu lớn đầu tiên được thực hiện ở huyện Châu Thành. Theo đó, công ty thực hiện chuỗi giá trị sản xuất lúa gạo khép kín.

Cụ thể tại huyện Thoại Sơn, Công ty Cổ phần BVTV An Giang tập hợp nông dân theo hình thức chia nhóm theo khu vực sản xuất để hình thành “chuỗi giá trị sản xuất”. Mỗi nhóm có 1 tổ trưởng phụ trách. Cán bộ kỹ thuật của công ty sẽ theo dõi, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, bón phân và phun xịt thuốc cho các tổ sản xuất suốt cả quy trình sản xuất. Công ty cung ứng giống, phân bón và thuốc BVTV cho nông dân với lãi suất 0%. Sau khi thu hoạch nông dân được hỗ trợ chi phí vận chuyển, sấy và lưu kho trong 30 ngày. Công ty chịu trách nhiệm bao tiêu lúa gạo của nông dân trong tổ sản xuất. Thực tế là các hộ nông dân tham gia vào mô hình cánh đồng mẫu lớn bằng cách tham gia vào các tổ sản xuất được hình thành dựa trên sự cận kề nhau.

Ngoài cung cấp cho Công ty Bảo vệ thực vật An Giang, Thoại Sơn còn cung ứng lúa nguyên liệu cho các công ty như Angimex – Kitoku, Công ty ADC,... Năm 2012, toàn huyện đã ký hợp đồng tiêu thụ lúa với diện tích 2.563,3 ha. Diện tích trồng lúa được bao tiêu sản phẩm này còn khá khiêm tốn so với tổng diện tích hơn 30.000 ha trồng lúa của toàn huyện. Trong bối cảnh hiện nay, hiệu quả của việc ký kết hợp đồng này là một mô hình có thể nhân rộng, tiến tới tăng giá trị sản xuất. Tuy nhiên, thực tế cho thấy mô hình “chuỗi giá trị” của Công ty

BVTV An Giang hiện đang nổi lên như là một mô hình phù hợp và hiệu quả, nhưng năng lực của một công ty chưa thực sự đáp ứng khả năng sản xuất của huyện Thoại Sơn nói riêng và tỉnh An Giang nói chung. Mặc dù có những ưu điểm vượt trội so với hình thức sản xuất hộ gia đình nhỏ lẻ, nhưng hình thức canh tác cánh đồng mẫu lớn hiện vẫn gặp những khó khăn bất cập cả từ phía doanh nghiệp và phía nông dân.

Về phía doanh nghiệp, khó khăn chủ yếu là năng lực, trước nhu cầu và tiềm năng nhiều hộ nhận thức được lợi ích của việc tham gia vào chuỗi sản xuất giá trị nhưng khả năng doanh nghiệp về nhân lực và vốn không cho phép mở rộng hơn khả năng. Hiện nay, vào giai đoạn lúa chín rộ, nhiều doanh nghiệp bao tiêu lúa gạo, trong đó có cả Công ty BVTV An Giang, không thể nào bố trí đủ phương tiện chuyên chở lúa tươi từ ruộng về nhà máy và không đủ nhà máy để sấy kịp lúa lưu kho. Việc này kéo dài thời gian thu mua khiến tỷ lệ hao hụt trong thu hoạch tăng. Hiện trạng diện tích bao tiêu sản phẩm lúa gạo ở Thoại Sơn chỉ chiếm 8% tổng diện tích sản xuất của huyện cho thấy doanh nghiệp cần phải có sự đầu tư hơn nữa để mở rộng mô hình cánh đồng mẫu lớn trở thành cánh đồng lớn.

Mặc dù tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất khép kín là một mô hình tối ưu hiện nay nhưng vấn đề được quan tâm nhất của cả doanh nghiệp và nông dân là giá cả thu mua lúa. Thu nhập của nông dân, thậm chí trong mô hình tiên tiến và hiệu quả này hiện vẫn chưa đạt được mức chính phủ đề ra là phải đảm bảo cho nông dân lãi tối thiểu 30%. Chẳng hạn thu nhập của nông dân Ng.V.Tr sản xuất giỏi điển hình, có diện tích sản xuất là 6 ha, tổ trưởng tổ sản xuất của mô hình cánh đồng mẫu lớn ở một ấp thuộc huyện Thoại Sơn, An Giang cho thấy chi phí trồng lúa là 25 triệu/ ha/ vụ; năng suất 1 ha được 6 tấn nếu với giá 5.000 đ/ kg thì thu được 30 triệu/ 1ha/1 vụ. Như vậy, 1 vụ (4 tháng) lời được 5 triệu. Một năm hộ lời được 10 triệu/ 1 ha. Như vậy, khi tham gia vào mô hình được cho là có lợi

cho người sản xuất nhưng với giá cả thị trường biến động thì dù được hỗ trợ bởi các chính sách của chính phủ, thu nhập của nông dân trồng lúa vẫn còn thấp và chịu nhiều bất ổn.

Như vậy, lý do nhiều người dân hiện nay chưa tham gia vào chuỗi liên kết giá trị sản xuất, ngoài việc năng lực của các công ty chưa đáp ứng được nhu cầu của nhiều hộ nông dân tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất, còn có nguyên nhân từ phía người nông dân, đó là sự tính toán duy lý về hiệu quả sản xuất (thể hiện qua việc lựa chọn giống lúa canh tác sao cho có lợi nhất cho người nông dân). Bên cạnh một số doanh nghiệp làm ăn uy tín vẫn còn một số doanh nghiệp chưa giữ chữ tín trong kinh doanh. Chẳng hạn như, theo Thông báo số 252/TB-VPCP về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc họp ngày 11 tháng 7 năm 2013 với các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang về sản xuất, tiêu thụ lúa gạo, cá ba sa thì các doanh nghiệp xuất khẩu gạo sẽ phải có vùng nguyên liệu hoặc hợp tác, đặt hàng, liên kết với người sản xuất lúa được làm đầu mối xuất khẩu gạo, tránh tình trạng doanh nghiệp mua bán giấy phép xuất khẩu. Đây là những điểm mới được Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất bổ sung trong Nghị định 109/2010/NĐ-CP về kinh doanh xuất khẩu gạo. Tuy nhiên, trên thực tế triển khai việc liên kết này với người sản xuất còn rất nhiều bất cập. Tại Thoại Sơn, phổ biến là tình trạng các công ty không mua đúng giá cam kết trước vụ, không thu mua đúng thời hạn, hay thậm chí không thu mua.

Công ty vô thì cũng chính quyền vô mời mình ra họp đồng chứ không phải công ty trực tiếp. Chẳng hạn như công ty ở Long Xuyên vô không nói chuyện trực tiếp với mình đâu, qua chính quyền với mấy ông xã mời dân vô nói chuyện với mình. Mà cuối cùng ông nào cũng chìm xuống hết trơn hết trọi á, dân chịu hết trơn á. Dân không làm đâu. Hồi lúc họp đồng thì nói ngon, cao, rồi dân mới về làm, giống mấy ông đưa cho mình sạ, rồi mình trừ tiền

lại, rồi tới cái ngày thu hoạch đó, thí dụ giá năm ngàn thì tới thu hoạch mấy ông nói không tới giá năm ngàn này. Mình không biết làm sao cho nên giờ nói chuyện với dân không được đâu, dân không có nghe đâu.

(NVL, nam, sinh năm 1949, Bình Thành, Thoại Sơn, An Giang)

Hệ quả của các điều kiện, nhận thức của các hộ nông dân khác nhau về lợi ích của việc tham gia chuỗi giá trị sản xuất nên đối với những nơi thí điểm thực hiện mô hình này, kết quả là do trực liên kết ngang, liên kết giữa nông dân và nông dân, các cánh đồng mẫu lớn chưa thực sự liền kề, vẫn còn hiện tượng “da beo” do có các hộ không/ chưa tham gia vào tổ sản xuất của cánh đồng mẫu lớn. Việc này gây khó khăn trở ngại cho việc sản xuất đồng loạt.

Trong kết quả khảo sát của chúng tôi ở các xã Bình Thành, Vọng Đông và Óc Eo của huyện Thoại Sơn, các hộ tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất của các công ty không nhiều do các lý do đã phân tích ở trên. Tuy nhiên, các hộ đều đánh giá cao lợi ích khi tham gia chuỗi giá trị sản xuất nếu kiểm soát được biến số giá cả và tính chuyên nghiệp của công ty hướng tới lợi ích của người nông dân, đó là sự kịp thời trong mọi công đoạn sản xuất và tiêu thụ lúa gạo.

3. Kết luận

Như vậy, sản xuất lúa gạo theo định hướng thị trường là một đặc điểm nổi bật của các hộ gia đình nông dân trồng lúa gạo ở tỉnh An Giang nói riêng và ĐBSCL nói chung hiện nay. Việc sản xuất này xét cho cùng là để đáp ứng nhu cầu sinh tồn và làm giàu của gia đình. Tuy nhiên nhu cầu sinh tồn của gia đình hộ nông dân trong bối cảnh hiện nay khác với nhu cầu sinh tồn của hộ gia đình nông dân trong công trình nghiên cứu của Scott (1976) về nông dân. Theo đó, nhu cầu sinh tồn được hiểu là lượng lương thực tối thiểu để đảm bảo cho gia đình không bị chết đói. “Ngưỡng sinh tồn” chi phối mọi hành vi của nông dân, khiến cho họ luôn tránh rủi ro. Khi đề

cập đến động lực sinh kế của các hộ nông dân trong khảo sát của chúng tôi thì “chi phí cho việc học hành” của con cái, “khám chữa bệnh”, “xây sửa nhà cửa,” “mở rộng sản xuất” và “đám tiệc” mới là các mối quan tâm quan trọng, thúc đẩy họ mở rộng sản xuất chứ không còn là “nhu cầu lương thực tối thiểu”. Để có thể đáp ứng những chi phí này, họ phải tích cực tham gia vào việc sản xuất lúa gạo hàng hóa. Nông dân ở ĐBSCL với những đặc điểm có đất đai canh tác, có nhiều cơ hội nghề nghiệp khác và có khả năng tiếp cận các nguồn vốn để đầu tư cho sản xuất đã tích cực tham gia sản xuất thị trường.

Qua nghiên cứu các hộ nông dân sản xuất lúa gạo ở huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, chúng tôi nhận thấy hộ gia đình đang phát huy tính năng động và nhanh nhạy thị trường trong sản xuất. Đặc điểm sản xuất định hướng thị trường của các hộ gia đình thể hiện qua việc tồn tại thường trực tư duy mở rộng quy mô sản xuất và các lựa chọn duy lý để tăng năng suất và lợi nhuận trong sản xuất. Tuy

nhiên, tính năng động và nhanh nhạy này của hộ gia đình nông dân lại bị các đặc điểm văn hóa gia đình người Việt và tính duy lý hộ gia đình chi phối. Cụ thể là mặc dù hộ luôn có tư duy mở rộng sản xuất theo định hướng thị trường nhưng tư duy này bị chi phối bởi quy luật phát triển của một gia đình về mặt sinh học và xã hội. Theo đó, quá trình tích lũy đất đai và việc gia tăng sản xuất diễn ra mạnh mẽ ở giai đoạn đầu hình thành và sẽ suy giảm ở giai đoạn cuối của một hộ gia đình hạt nhân cụ thể; và quá trình tích tụ đất đai bị chi phối bởi tập quán chia đất cho con cái trong gia đình khi lập gia đình riêng. Bên cạnh đó, trong bối cảnh hành vi kinh tế của hộ là kết quả của sự tương tác giữa duy lý của hộ gia đình và cấu trúc thị trường, trong đó lợi ích của hộ gia đình mâu thuẫn với lợi ích của các mô hình và thiết kế cho sự phát triển của ngành lúa gạo ở cấp độ vĩ mô, thì tư duy kinh tế hộ gia đình có thể xem là một lực cản cho quá trình hình thành một nền sản xuất lúa gạo lớn và hiện đại.

Bài viết là kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường,

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh năm 2014 của tác giả.

Characteristics of market-oriented rice production of farmers in the Mekong Delta of Vietnam

• **Ngo Thi Phuong Lan**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

This study of rice production in Thoai Son district of An Giang province points out that the characteristics of rice farmers' market-oriented production are constantly expanding areas of production; getting loans to invest on intensive

production; applying advanced technology-mechanization; and participating or not participating in agricultural value chain.

Underlying these characteristics is the choice making of farmer households which are

determined by their interests. In the present context of rice producing when rice farmers' economic behaviors result from the interaction of their rational calculation and the market structure, farmers' interests contradict with

those of state models or designs for rice production development, it is true that farmers' rationality at household levels can be seen as an obstacle to the efforts of establishing a big and modern rice industry.

Keywords: rice production, household, rationality, agricultural value chain

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

- [1]. Vũ Ngọc Xuân Ánh, 2015. Tư duy kinh tế của nông hộ trong việc cải tiến kỹ thuật nông nghiệp (khảo sát tại miền Tây Nam Bộ). Luận văn Thạc sĩ
- [2]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cục Trồng trọt. 2012. *Tiêu chí xây dựng cánh đồng mẫu lớn*. NXB. Nông nghiệp
- [3]. Hoàng Cẩm và các tác giả, 2014. Tiếp cận đất đai của phụ nữ trong xã hội Việt Nam đương đại. Báo cáo UNDP.
- [4]. Phạm Cao Dương, 1965. *Thực trạng của giới nông dân Việt Nam dưới thời Pháp Thuộc*. Viện Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Văn khoa. Tiểu luận Cao học Sử học.
- [5]. Hà Văn Hội, 2015. “Tham gia TPP: Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu gạo của Việt Nam.” *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh*, tập 31, số 1 (2015), tr.1-10.
- [6]. Huyện ủy – UBND Huyện Thoại Sơn. *Kỷ yếu Thoại Sơn: 30 năm một chặng đường 23.8.1979-23.8.2009*.
- [7]. Trịnh Như Kim, 1973. *Nền kinh tế Việt Nam dưới thời Pháp thuộc (1920-1930)*. Luận văn Cao học Viện Đại học Vạn Hạnh, Phân Khoa Văn học và Khoa học Nhân văn.
- [8]. Nguyễn Phan Quang, 2004. *Thị trường lúa gạo Nam kỳ (1860-1945)*. NXB Tổng hợp Tp. HCM
- [9]. Trần Hữu Quang 1984. “Người nông dân Nam Bộ và sự đổi mới kỹ thuật.” *Tạp san Khoa học và Phát triển*, số 15, 31-36.
- [10]. Trần Hữu Quang và Phan Thanh Lôi 2015. “Ứng xử kinh tế của nông hộ trong bối cảnh làng Việt ở Nam Bộ.” *Tạp chí Khoa học Xã hội thành phố Hồ Chí Minh*. Số 1(197) 2015.
- [11]. Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2012. Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011. NXB. Thống kê.
- [12]. Tổng cục thống kê, 2013. *Niên giám thống kê năm 2012*. NXB. Thống kê.
- [13]. UBND Huyện Thoại Sơn – Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội, 2012. Báo cáo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đặc biệt hộ nông dân vùng nông thôn.
- [14]. UBND huyện Thoại Sơn, 2007. Danh mục dự án mời gọi đầu tư giai đoạn 2007-2010 trên địa bàn huyện Thoại Sơn.
- [15]. UBND Huyện Thoại Sơn, 2008. Báo cáo tình hình kinh tế tập thể 2001-2008.
- [16]. UBND Huyện Thoại Sơn, 2010. Danh sách các doanh nghiệp tư nhân Huyện Thoại Sơn. Ngày 31/12/2010.
- [17]. UBND Huyện Thoại Sơn, 2011. Chương trình đầu tư phát triển kết cấu Hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2015. Ngày 6 tháng 12 năm 2011.
- [18]. UBND Huyện Thoại Sơn, 2012. Danh sách hợp tác xã, liên minh hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân huyện Thoại Sơn. Ngày 30 tháng 6 năm 2012.
- [19]. UBND Huyện Thoại Sơn, 2012. Kế hoạch kêu gọi đầu tư năm 2012 và đến năm 2015. Tháng 3 năm 2012.

[20]. UBND huyện Thoại Sơn, 2013. *Báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2012* (tính đến thời điểm 1/1/2013). Ngày 18 tháng 01 năm 2013.

Tài liệu tiếng Anh

- [1]. Chayanov, A.V., 1926. *The Theory of Peasant Economy*, In D. Thorner, B. Kerblay, and .E.F. Smith, eds. Irwin: Homewood.
- [2]. Scott, J., 1976. *The Moral Economy of the Peasant: Rebellion and Subsistence in Southeast Asia*, Yale University Press, New Haven.